

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI TỪ GÓC ĐỘ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG

Mai Văn Lưu¹, Trần Thiên Hoàng¹
Email: luumv@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 26/05/2025

Ngày phản biện đánh giá: 15/08/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 29/08/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.610

Tóm tắt: Chất lượng Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Mở Hà Nội đã được khẳng định thông qua kết quả kiểm định chất lượng giáo dục. Những kết quả này cho thấy quyết tâm của Trường trong việc liên tục cải tiến và khẳng định chất lượng đào tạo với xã hội; mặc dù vậy, vẫn còn những hạn chế cần phải khắc phục. Trong bài viết này, dưới góc độ kiểm định chất lượng, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Mở Hà Nội.

Từ khóa: Trường Đại học Mở Hà Nội, chương trình đào tạo, ngành Ngôn ngữ Anh, kiểm định chất lượng, nâng cao chất lượng

I. Đặt vấn đề

Đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại các cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò quan trọng trong việc bồi dưỡng nhân lực ngoại ngữ, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Trường Đại học Mở Hà Nội (HOU) với sứ mạng “Mở cơ hội học tập cho mọi người” luôn chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo. Thông qua các hoạt động bảo đảm và kiểm định chất lượng (KĐCL) giáo dục, Nhà trường luôn khẳng định và cam kết thực hiện cải tiến chất lượng liên tục (Nguyễn Việt Hùng, 2025).

Trong bài viết này, dựa trên phân tích kết quả tự đánh giá và KĐCL chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Ngôn ngữ Anh (cả bậc đại học và thạc sĩ), đồng thời nghiên cứu bản mô tả CTĐT của hai bậc đào tạo, chúng tôi đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của HOU.

II. Cơ sở lý luận và thực tiễn

2.1. Cơ sở lý luận

Kiểm định chất lượng giáo dục không chỉ là công cụ đánh giá chất lượng giáo dục hiện tại mà còn là cơ chế thúc

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

đẩy cải tiến liên tục. Kiểm định và cải tiến chất lượng giáo dục luôn có mối quan hệ chặt chẽ và biện chứng. Các hoạt động kiểm định thực hiện theo chu trình PDCA (Plan-Do-Check-Act), kết quả đánh giá giúp xác định hành động cải tiến thực tiễn.

Đối với CTĐT, KĐCL là quá trình đánh giá, xem xét và công nhận CTĐT có đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng đã được thiết lập hay không. Kết quả KĐCL là cơ sở để xác định các điểm mạnh, điểm tồn tại của CTĐT, từ đó đưa ra các giải pháp cải tiến phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng CTĐT. Một cách cụ thể, mối quan hệ này được thể hiện qua các khía cạnh sau:

- *Kiểm định chất lượng là tiền đề cho cải tiến chất lượng*: kết quả KĐCL cung cấp thông tin chi tiết về tình hình thực tế của CTĐT, chỉ ra những vấn đề cần khắc phục và những điểm cần phát huy.

- *Cải tiến chất lượng là mục tiêu của kiểm định chất lượng*: mục đích cuối cùng của KĐCL là giúp các CTĐT ngày càng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và xã hội.

- *Kiểm định và cải tiến chất lượng là hai quá trình song hành*: hoạt động KĐCL và quá trình cải tiến không diễn ra độc lập mà có tính liên tục, hỗ trợ lẫn nhau. Sau mỗi lần kiểm định, các CTĐT sẽ tiến hành cải tiến, và kết quả cải tiến lại được sử dụng để đánh giá lại chất lượng trong lần kiểm định tiếp theo.

Như vậy, KĐCL là công cụ để đánh giá, còn cải tiến chất lượng là hành động nhằm nâng cao chất lượng dựa trên kết quả đánh giá. Cả hai quá trình này đều

hướng tới mục tiêu chung là bảo đảm và nâng cao chất lượng giáo dục.

Tại Việt Nam, bảo đảm chất lượng (BĐCL) giáo dục đại học hiện hướng đến một hệ thống tổng thể gồm kiểm định chất lượng và BĐCL bên trong. Theo quy định về KĐCL các chương trình giáo dục đại học do Bộ GDĐT ban hành, mỗi CTĐT phải xây dựng chuẩn đầu ra (CĐR) rõ ràng, phù hợp Khung trình độ quốc gia Việt Nam và phải được đánh giá định kỳ (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016, 2021, 2025). Phương pháp giảng dạy (PPGD) và kiểm tra, đánh giá (KTĐG) cần bảo đảm tương thích có định hướng (Constructive Alignment) với CĐR và liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng theo chu trình PDCA. Việc sử dụng kết quả phản hồi từ các bên liên quan và kết quả đánh giá của tổ chức KĐCL sẽ giúp cơ sở giáo dục (CSGD) nhìn nhận khách quan về chất lượng và hiệu quả đào tạo, đồng thời là căn cứ để cải tiến chất lượng CTĐT một cách liên tục.

2.2. Cơ sở thực tiễn

Về thực tiễn, mục tiêu của CTĐT Ngôn ngữ Anh trình độ đại học và thạc sĩ tại HOU đã được xác định rõ ràng; thống nhất với sứ mạng của Trường; được định kỳ rà soát, cập nhật cho phù hợp thực tiễn (Trường Đại học Mở Hà Nội 2023, 2024). Tuy nhiên, đánh giá ngoài cũng chỉ ra một số tồn tại của hai CTĐT. Đây là cơ sở để bài viết đề xuất giải pháp cải tiến chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của HOU.

III. Phương pháp, vật liệu nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, bài viết sử dụng các phương pháp:

- Phương pháp thu thập dữ liệu: kết quả thu thập dữ liệu từ các nguồn tài liệu liên quan đến các CTĐT, bao gồm: Bản mô tả CTĐT, Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh các trình độ; Báo cáo đánh giá ngoài của các Đoàn chuyên gia từ các đợt kiểm định chất lượng giáo dục các CTĐT,...

- Phương pháp phân tích tổng hợp: dựa trên dữ liệu thu thập trong quá trình nghiên cứu, bài viết phân tích và tổng hợp các điểm mạnh, điểm tồn tại của mỗi CTĐT, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường.

IV. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng chất lượng CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Mở Hà Nội

4.1.1. Đào tạo trình độ đại học

Theo Báo cáo tự đánh giá CTĐT và kết quả KĐCL cho thấy, CTĐT đại học Ngôn ngữ Anh tại HOU có nhiều điểm mạnh. Cụ thể, chương trình có mục tiêu đào tạo rõ ràng, phù hợp với sứ mạng của Nhà trường, được rà soát và cập nhật định kỳ. CTĐT hiện có 10 chuẩn đầu ra (CĐR), được cụ thể hóa bằng 32 chỉ báo kết quả học tập (PIs). Thiết kế khung CTĐT bao gồm hai định hướng chuyên ngành (Biên - phiên dịch và Sư phạm) với ma trận CĐR - học phần rõ ràng. Các học phần được xây dựng theo các khối kiến thức đảm bảo tính logic và nối tiếp, chương trình dạy học (CTDH) được thiết kế với trình tự hợp lý. Quá trình giảng dạy áp dụng đa dạng phương pháp (thảo luận nhóm, tình huống, dạy học dự án, ...) để hỗ trợ sinh viên (SV) đạt được CĐR của

học phần và CĐR CTĐT. Đồng thời, các hoạt động ngoại khóa như câu lạc bộ, dự án nghiên cứu, hội thảo khoa học,... được khuyến khích để phát triển kỹ năng mềm và tinh thần tự học cho SV. Kết quả đánh giá cho thấy SV tốt nghiệp có năng lực tiếng Anh đạt tương đương C1 (bậc 5/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam), có khả năng sáng tạo, linh hoạt và khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2023; CEA-VNU, 2023).

Hệ thống khảo thí và công tác KTĐG được tổ chức bài bản, nghiêm túc. Quy trình phúc khảo bài thi được quy định rõ ràng, thuận tiện. Trường và khoa Tiếng Anh có cơ chế thu thập thông tin phản hồi (khảo sát người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, giảng viên,...) và sử dụng kết quả này để cải tiến chương trình. Cơ sở dữ liệu học vụ, theo dõi tiến trình của SV được lưu trữ, cập nhật. Tỷ lệ SV bỏ học của ngành khoảng 4,5%, trong khi tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn (4 năm) và tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau một năm tốt nghiệp cao (tương ứng là 87% và 97,69%) (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2023). Các chỉ số này phần nào phản ánh chất lượng đào tạo tốt ở trình độ ĐH ngành Ngôn ngữ Anh.

Tuy nhiên, báo cáo đánh giá cũng chỉ ra một số tồn tại cần khắc phục, cụ thể:

Thứ nhất, mục tiêu và CĐR hiện tại cần được rà soát, đảm bảo hệ thống CĐR phản ánh trọn vẹn, đầy đủ mô tả yêu cầu năng lực bậc 6 theo Khung trình độ Quốc gia và hệ thống CĐR của Trường ban hành chung cho các CTĐT trình độ ĐH (ULO). Một số CĐR cần điều chỉnh theo hướng mở, linh hoạt hơn (PLO4) và để bao phủ tốt hơn năng lực nghề nghiệp của

tất cả các vị trí việc làm (CĐR PLO2A và PLO2B).

Thứ hai, một số CĐR không được hình thành đầy đủ, trong khi một số học phần không có đóng góp rõ ràng cho bất cứ CĐR nào. Việc tách riêng định hướng Biên - phiên dịch và Sur phạm là hợp lý, nhưng cần điều chỉnh thang độ đóng góp của các học phần vào từng CĐR.

Thứ ba, nội dung học liệu và PPGD cần liên tục đổi mới, cập nhật; việc hướng dẫn tự học chưa được mô tả rõ để SV tự nghiên cứu một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, tỷ lệ tín chỉ tự chọn còn hạn chế, chưa giúp SV khai thác hết sở trường và năng lực cá nhân; các hoạt động thực hành, thực tế như nghiệp vụ phiên dịch, kết nối doanh nghiệp để thực tập nghề nghiệp chưa được đẩy mạnh.

Thứ tư, các yếu tố BĐCL, đặc biệt là phát triển đội ngũ cần chú trọng hơn. Công tác thẩm định/phản biện đề thi và các công cụ KTĐG cần được rà soát để đảm bảo đo lường chính xác CĐR; đồng thời cần phong phú các hình thức KTĐG, đặc biệt là đánh giá kết quả thực hành, thực tập (CEA-VNU, 2023).

4.1.2. Đào tạo trình độ thạc sĩ

Đối với CTĐT thạc sĩ, kết quả đánh giá cũng ghi nhận nhiều ưu điểm: Chương trình có mục tiêu đào tạo cụ thể, định hướng nghiên cứu (dự kiến cung cấp kiến thức chuyên sâu, liên ngành) và ứng dụng (tập trung biên phiên dịch, giảng dạy). Phiên bản CTĐT năm 2022, hệ thống CĐR đã tinh giản và cụ thể hóa thành 19 chỉ báo (PIs). Bản mô tả CTĐT đầy đủ thông tin cốt lõi và được rà soát cùng với đề cương học phần; nội dung các đề cương được cập

nhật. Khung nội dung chương trình bố cục thành các khối kiến thức rõ ràng (bao gồm khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành); ma trận CĐR - học phần, PPGD được thể hiện. Thiết kế CTDH đáp ứng cả hai định hướng “nghiên cứu” và “ứng dụng” một cách hợp lý, trình tự học phần theo cây chương trình đảm bảo tính logic (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2024; CEA-VNU, 2024).

Hoạt động dạy - học trong CTĐT thạc sĩ được đánh giá tích cực, sử dụng đa dạng kỹ thuật dạy học (thông qua hội thảo khoa học, thảo luận, thực hành nghiên cứu) để hỗ trợ học viên xây dựng năng lực chuyên môn. Kết quả tốt nghiệp trình độ thạc sĩ cho thấy khả năng thích ứng cao với công việc chuyên môn. Tỷ lệ nghỉ học thấp (2,5%), tỷ lệ tốt nghiệp cao (97,5%) và tốt nghiệp đúng hạn trung bình đạt 91,7% (giai đoạn 2019 - 2023). Đặc biệt, người học tốt nghiệp đã phát huy tốt kiến thức và năng lực cá nhân, một số đã được bổ nhiệm vào lãnh đạo, quản lý tại cơ quan, đơn vị. Hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của học viên gắn với quá trình làm luận văn, nhiều luận văn đã tham gia đề tài khoa học các cấp và công bố kết quả trên các tạp chí khoa học (CEA-VNU, 2024).

Bên cạnh đó, CTĐT thạc sĩ cũng còn những tồn tại, hạn chế: một số nội dung mục tiêu đào tạo và CĐR cần được mở rộng về kiến thức liên ngành để phản ánh triết lý “Mở” của Trường, năng lực ngoại ngữ hai không đóng góp vào việc hình thành PLO. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần cần được rà soát, cập nhật về học liệu. Hệ thống tín chỉ tự chọn còn hạn chế; cần tăng số tín chỉ tự chọn cả cho định hướng nghiên cứu lẫn định hướng ứng dụng, nhằm phục vụ các vai trò công

việc sau tốt nghiệp. Ngoài ra, chương trình cần tích hợp thêm kiến thức nền về phương pháp luận nghiên cứu, ứng dụng công nghệ như phân tích dữ liệu, công cụ AI vào nội dung giảng dạy. Bên cạnh đó, công cụ KTĐG của CTĐT thạc sĩ cũng cần được cải thiện để bao quát tất cả CĐR và đánh giá chính xác hơn mức độ đạt CĐR của người học (CEA-VNU, 2024).

4.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Mở Hà Nội

Từ thực trạng chất lượng CTĐT nêu trên, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại HOU. Các giải pháp được đề xuất song song cho cả hai bậc học, đồng thời cụ thể hóa theo nội dung đã xác định.

4.2.1. Về chương trình đào tạo

Rà soát mục tiêu, chuẩn đầu ra: CTĐT cần rà soát mục tiêu và CĐR theo hướng cập nhật đầy đủ yêu cầu của trình độ đào tạo. Đối với bậc đại học, CĐR nên mở rộng hơn ở những khía cạnh đa dạng nghề nghiệp (PLO2A/B) và kiến thức liên ngành (PLO4). Ở bậc thạc sĩ, nên bổ sung năng lực quản lý, nghiên cứu kết nối các lĩnh vực khác như triết lý “Mở” đã nêu. Quá trình cập nhật này phải đảm bảo tính liên thông giữa các bậc học (từ ĐH lên ThS); bám sát Khung trình độ quốc gia, Khung năng lực số, tiêu chuẩn KĐCL CTĐT, tham chiếu tiêu chuẩn KĐCL của AUN-QA.

Tăng cường tín chỉ tự chọn: Hiện nay CTĐT đại học gồm 126 tín chỉ (Trường Đại học Mở Hà Nội, 2023) và CTĐT thạc sĩ là 60 tín chỉ (bao gồm bắt

buộc và tự chọn) trường Đại học Mở Hà Nội, 2024). Tuy nhiên, khuyến khích tăng tỷ lệ tự chọn để người học có thể theo đuổi định hướng nghề nghiệp hoặc nghiên cứu theo sở thích. CTĐT cần thêm các học phần tự chọn chuyên sâu (ví dụ: Kỹ thuật số hóa dịch thuật, Thuyết minh phim) để phục vụ nhu cầu thực tiễn và hứng thú của người học. Các học phần tự chọn dựa trên phân tích nhu cầu thị trường lao động (ví dụ: Phiên dịch chuyên ngành, biên dịch sách,...) giúp SV phong phú hóa kiến thức.

Về đề cương học phần và học liệu: Các đề cương học phần cần rà soát kỹ, cập nhật học liệu (chuyên ngành, văn hóa, kỹ thuật biên phiên dịch...) và cung cấp tài liệu trên LMS. Khai thác triệt để nguồn học liệu mở để người học tự học và nghiên cứu. Bổ sung học phần về công nghệ dịch thuật giúp người học liên tục cập nhật kiến thức và công cụ mới.

Tăng cường kết nối thực tiễn và khởi nghiệp: Cần chú trọng xây dựng quan hệ đối tác với doanh nghiệp, đơn vị dịch thuật, trung tâm ngoại ngữ để tạo điều kiện thực tập và việc làm cho SV. Đồng thời, khuyến khích SV tham gia các hoạt động khởi nghiệp, các cuộc thi ý tưởng sáng tạo, góp phần hình thành tư duy linh hoạt, kỹ năng giải quyết vấn đề. Những hoạt động này không chỉ gia tăng trải nghiệm thực tế mà còn nâng cao uy tín CTĐT đối với người học và thị trường lao động.

4.2.2. Về đội ngũ và phương pháp dạy - học

Giảng viên là yếu tố then chốt của chất lượng đào tạo, CTĐT cần nghiên cứu trẻ hóa giảng viên cơ hữu. Song song, cần có chính sách mời GV, chuyên gia nước

ngoài và trao đổi SV nước ngoài sử dụng tiếng Anh trong học tập.

Về phương pháp dạy - học: Chất lượng CTĐT không chỉ ở “*dạy cái gì*” mà còn ở “*dạy như thế nào*”. Do đó, cần tăng cường sử dụng các PPDH hiện đại nhằm phát triển năng lực người học. Muốn vậy, cần tăng cường tập huấn, trao đổi kinh nghiệm, khuyến khích và có biện pháp hỗ trợ GV áp dụng các PPDH tích cực (blended learning, project-based learning, problem-based learning, mô phỏng, trò chơi hóa...).

Chú trọng ứng dụng chuyển đổi số trong giáo dục, áp dụng công nghệ, kỹ thuật vào mục đích đào tạo và giảng dạy, giúp nâng cao trải nghiệm của người học; cải thiện phương pháp dạy học cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện nhất (sử dụng phần mềm, ứng dụng AI trong giảng dạy và dịch thuật phù hợp với đặc thù môn học,...). Đồng thời, tăng cường các hoạt động thực hành ngoại khóa: kết nối doanh nghiệp, cơ sở ngoại ngữ, trung tâm dịch thuật để người học tham gia thực tập, trao đổi chuyên môn, góp phần nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, phát triển kỹ năng thực tế; khuyến khích người học tham gia NCKH, đặc biệt là các đề tài phục vụ khởi nghiệp, sáng tạo, tạo sân chơi cho tư duy và áp dụng ngôn ngữ vào thực tiễn.

4.2.3. Về kiểm tra đánh giá và bảo đảm chất lượng

- Đa dạng hóa hình thức KTĐG: Tiếp tục thực hiện đa dạng hóa hình thức KTĐG (tăng phần đánh giá thực hành, dự án nhóm, kiểm tra năng lực toàn khóa). Cùng cố công tác phản biện đề thi, câu hỏi thi; phân tích kết quả KTĐG và sử dụng để điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy - học.

Hệ thống LMS, dữ liệu theo dõi người học, kết quả khảo sát cần được khai thác hiệu quả nhằm cải tiến CTĐT; liên tục hoàn thiện CTĐT theo chu trình PDCA.

- Xây dựng ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa: Mỗi học phần cần có một ngân hàng câu hỏi thi đủ lớn, bao quát tất cả các CĐR của học phần. Mỗi câu hỏi, bài tập được chỉ rõ đánh giá CĐR nào và đảm bảo đo lường được mức độ đạt CĐR đó. Đề thi sẽ được tổ hợp theo ma trận đề thi đã ban hành; đáp án mỗi câu hỏi được xây dựng thành các rubric nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng trong KTĐG.

- Đảm bảo sự phù hợp của đánh giá với CĐR: Tư duy cốt lõi cần quán triệt là “*dạy cái gì thì kiểm tra đánh giá cái đó*”. Mọi hoạt động KTĐG phải tương thích và hướng tới CĐR đã công bố. Trong đề cương học phần đã thiết kế Kế hoạch KTĐG trong đó nêu rõ: đánh giá bằng hình thức gì, vào thời điểm nào, trọng số ra sao đối với mỗi CĐR; và trong quá trình vận hành CTĐT, phải tuân thủ Kế hoạch, tuyệt đối tránh tình trạng đặt ra CĐR nhưng không được đánh giá/không đánh giá được, hoặc ngược lại - KTĐG những thứ CĐR. Thực hiện tốt điều này sẽ đảm bảo tính nhất quán giữa mục tiêu và kết quả, giúp người học có định hướng rõ ràng và dễ đạt được CĐR hơn.

- Chuyển đổi số trong kiểm tra, đánh giá người học: ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông để đổi mới các phương pháp, hình thức và quy trình KTĐG, nhằm nâng cao tính khách quan, hiệu quả và công bằng, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho cả người học và người dạy. Sử dụng các phần mềm học tập, KTĐG trực tuyến; sử

dụng công cụ phân tích dữ liệu học tập của người học để đưa ra các báo cáo chi tiết về mức độ hiểu bài, những điểm mạnh, điểm yếu của từng người học/lớp học, giúp GV có thể điều chỉnh phương pháp giảng dạy phù hợp.

V. Kết luận

Chất lượng đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh tại trường Đại học Mở Hà Nội đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận theo đánh giá kiểm định. Tuy vậy, cũng còn những vấn đề cần khắc phục liên quan đến nội dung chương trình, PPGD, KTĐG và cơ sở vật chất, nhân lực. Từ góc nhìn KĐCL, một số giải pháp nêu trên tập trung vào việc rà soát hoàn thiện mục tiêu - CĐR, cập nhật CTĐT và học liệu, phát triển đội ngũ, đổi mới PPGD và kết nối thực tiễn. Việc triển khai hiệu quả các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao năng lực đầu ra của người học, đáp ứng yêu cầu xã hội và triết lý đào tạo “Mở” của Trường. BĐCL đào tạo là một quá trình liên tục. Do vậy, CTĐT cần tiếp tục duy trì TĐG và cải tiến thường xuyên, gắn với đánh giá ngoài của Bộ GDĐT cũng như các tổ chức quốc tế.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Việt Hùng (02/3/2025), *trường Đại học Mở Hà Nội với hành trình khẳng định chất lượng đào tạo*. <http://hou.edu.vn>, HOU.
- [2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học*. Hà Nội.
- [3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư 04/2025/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học*. Hà Nội.
- [5]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2023), *Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh* (trình độ đại học). Hà Nội.
- [6]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2024), *Bản mô tả CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh* (trình độ thạc sĩ). Hà Nội.
- [7]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2023), *Báo cáo tự đánh giá CTĐT đại học ngành Ngôn ngữ Anh*. Hà Nội.
- [8]. CEA-VNU (2023), *Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT chính quy trình độ đại học ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Mở Hà Nội*. Hà Nội.
- [9]. Trường Đại học Mở Hà Nội (2024), *Báo cáo tự đánh giá CTĐT thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh*. Hà Nội.
- [10]. CEA-VNU (2024), *Báo cáo đánh giá ngoài CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Anh của trường Đại học Mở Hà Nội*. Hà Nội.

ENHANCING THE QUALITY OF ENGLISH LANGUAGE EDUCATION AT HANOI OPEN UNIVERSITY FROM THE PERSPECTIVE OF QUALITY ACCREDITATION

Mai Van Luu², Tran Thien Hoang²

Abstract: *The quality of the English Language Training Program at Hanoi Open University has been substantiated through the results of quality accreditation. These outcomes underscore the University's strong commitment to continuous improvement and to affirming the quality of its training programs to society. Nevertheless, there remain some limitations that require further attention. From the standpoint of quality accreditation, this paper puts forward some solutions aimed at enhancing the quality of English language education at Hanoi Open University.*

Keywords: *Hanoi Open University, training program, English language, quality accreditation, quality enhancement*

² Hanoi Open University